

# TÌM HIỂU HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NGÔN NGỮ KÍ HIỆU CHO TRẺ Điếc

ĐỖ THỊ HIÊN - ĐINH THỊ HOA - NGUYỄN THỊ THANH TÂM\*

Ngày nhận bài: 30/10/2017; ngày sửa chữa: 31/10/2017; ngày duyệt đăng: 13/11/2017.

**Abstract:** Sign language plays a crucial role in the linguistic development of deaf children. Teaching of sign language for deaf children is different from normal children. In this article, authors mention method of teaching sign language for the deaf children. Deafness can be caused by congenital abnormalities or post-natal infectious diseases (such as pneumonia, etc). Many 6-8 year-old children go to school when they do not acquire enough language to study so they have to learn language for two years. From the specific characteristics of deaf and dumb children and the survey results in school centres, authors discuss the factors that influence on the effectiveness of sign language teaching for deaf children.

**Keywords:** Teaching, deaf children, sign language.

## 1. Mở đầu

Con người dùng ngôn ngữ để đáp ứng nhu cầu giao tiếp, học hỏi và khám phá, người điếc cũng vậy. Tuy nhiên, do "có vấn đề" ở cơ quan thính giác nên cộng đồng người điếc nói chung và trẻ điếc nói riêng dùng ngôn ngữ kí hiệu (NNKH) làm công cụ để tư duy và giao tiếp. Như vậy, NNNH cũng đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của trẻ điếc. Vậy cần dạy NNNH cho trẻ điếc như thế nào? Quá trình dạy trẻ điếc học NNNH có giống như đối với trẻ nghe được hay không? Nước ta hiện có khoảng 15.500 trẻ em dưới 6 tuổi bị điếc hoặc nghe khó. Nguyên nhân dẫn tới việc trẻ bị điếc có thể là do bẩm sinh hay do sau khi sinh trẻ bị mắc các bệnh (như viêm phổi,...) dẫn tới bị điếc. Nhiều em 6-8 tuổi đến trường khi chưa có vốn ngôn ngữ để đi học, phải học hai năm một lớp. Số lượng thống kê cho thấy đây là một nhóm đối tượng đặc biệt cần được quan tâm giúp đỡ.

Xuất phát từ những đặc điểm riêng của trẻ điếc và thực tế điều tra khảo sát tại các trung tâm trường học, bài viết này bàn đến những nhân tố có ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động dạy học NNNH cho trẻ điếc.

## 2. Nội dung

**2.1. Trẻ điếc và vai trò của NNNH đối với các em:** không giống với những dạng khuyết tật khác, trẻ điếc sẽ được phục hồi và phát triển ngôn ngữ một cách hiệu quả nếu trước đó trẻ được chẩn đoán phân loại khiếm thính một cách chính xác. Cách phân loại dựa trên tiêu chí thính lực của người là phổ biến hơn cả (xem *bảng 1*).

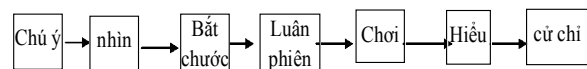
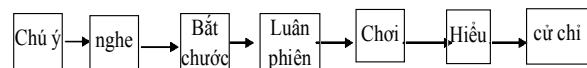
*Bảng 1. Phân loại mức độ khiếm thính*

Mức độ	Khả năng nghe
Điếc nhẹ (20 - 40dB)	Nghe được âm thanh có âm lượng lớn hơn bình thường
Điếc trung bình (40 - 70dB)	Chỉ nghe được nhờ máy trợ thính
Điếc nặng, điếc sâu (70 - 90dB)	Chỉ nghe được rất ít, dù có đeo máy trợ thính

## 2.2. Vai trò của NNNH đối với trẻ điếc:

**2.2.1. NNNH với trẻ điếc.** Khi gia đình có trẻ khiếm thính, họ sử dụng cử chỉ, điệu bộ để trao đổi, giao tiếp. Đầu tiên chỉ là những cử chỉ, điệu bộ đơn giản, có tính phỏng hình cao. Những cử chỉ điệu bộ này chủ yếu mô phỏng các hoạt động, biểu thị cảm xúc cơ bản của con người. Về sau, vượt ra khỏi phạm vi gia đình, trẻ khiếm thính tham gia nhiều nhóm cộng đồng (cộng đồng người nghe bình thường hoặc cộng đồng trẻ điếc). Lúc này, vốn cử chỉ, điệu bộ của trẻ ngày được mở rộng hơn, hoàn thiện hơn.

**2.2.2. Quá trình hình thành và phát triển NNNH ở trẻ điếc.** Chức năng ngôn ngữ là một trong những chức năng quan trọng của loài người được hình thành khá sớm ở vỏ não (1,5-2 tuổi). Đến 3 tuổi, nó diễn ra nhanh chóng và phát triển phối hợp với chức năng điều khiển vận động. Từ 3-6 tuổi, vỏ não tương đối hoàn thiện, hoạt động thần kinh cấp cao của não cũng phát triển. Nó lưu giữ được những hành động, cử chỉ phức tạp [3]. Đó là những điều kiện tốt để trẻ điếc có thể học, ghi nhớ và phát triển NNNH. Bởi NNNH là một ngôn ngữ sử dụng hình dáng bàn tay, chuyển động cơ thể, cử chỉ và biểu cảm trên khuôn mặt để trao đổi kinh nghiệm, suy nghĩ, nhu cầu và tình cảm. Như vậy, quy trình học ngôn ngữ của trẻ thường và trẻ điếc sẽ là (xem *hình 1*).



*Hình 1. Quy trình học ngôn ngữ của trẻ thường và trẻ điếc (7)*

Theo đó, nếu trẻ thường phải trải qua 5 bước để sử dụng được một tín hiệu âm thanh ngôn ngữ thì trẻ điếc cũng phải trải qua năm bước để sử dụng một kí

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

hiệu vào hoạt động giao tiếp. Chỉ khác nhau ở bước thứ hai, bởi vì, trẻ thường sẽ phải nghe tiếp nhận vô âm thanh của từ. Thực tế cho thấy, dù bị khiếm thính ở mức nào hoạt động giao tiếp của trẻ điếc cũng không thể tách rời NNKH.

- *Giai đoạn trẻ sử dụng từng từ một:* Với những trẻ có thính giác bình thường, trong khoảng từ 0-2 tuổi, trẻ đã có thể hiểu lời nói và làm theo lệnh đơn giản, lúc này, các chức năng trên vỏ não đã phát triển. Trẻ đã có thể sử dụng cùng lúc bàn tay và mắt để thao tác và ném đồ vật. Trẻ phát triển thị giác, thính giác, xúc giác, vị giác và khứu giác. Những đặc điểm phát triển tâm, sinh lí này đã giúp trẻ có thể học ngôn ngữ theo cách học từng từ một. Trong thế giới của mình, trẻ đã có thể biết tên một số đồ vật quen thuộc và các hiện tượng tự nhiên xã hội sau: + Người: Bố, mẹ, tên riêng của các anh chị em với bé...; + Hành động: nhìn, ngửi, rót, kì cọ, chà xát, sấy khô, vào trong, ra ngoài, ngồi xuống, đứng dậy, chơi...; + Đồ vật: cái cốc, cái thìa ..., + Các bộ phận cơ thể: đầu, 2 cánh tay, 2 chân, bụng, mặt, tóc, mắt, mũi, miệng; + Các khái niệm về không gian: trong nhà/ngoài sân; hoặc mở cửa ra/ đóng cửa vào...; + Các hiện tượng xã hội: bắn tung tóe, nhìn, ú, cho con, tạm biệt; + Miêu tả: nóng, lạnh, sạch, bẩn, nhanh, chậm, mềm, thô cứng, mịn.

Khi đã biết dùng một vài từ, sử dụng trong các tình huống hàng ngày, được khen, được khuyến khích, trẻ sẽ rất thích thú khám phá, biết cách sử dụng thêm nhiều từ mới.

- *Giai đoạn trẻ sử dụng ngữ pháp:* Trong khoảng từ 3-6 tuổi, trẻ đã biết sử dụng ngôn ngữ ở cấp độ cú pháp và hoàn thiện dần các kiểu câu mà trẻ học được từ người lớn. Khi lên 2, các bé bắt đầu nói các câu có 2 từ. Các bé bắt đầu sử dụng loại ngữ pháp của riêng mình để đặt các từ này vào với nhau. Các câu của các bé vì các bé bỏ tất cả trừ các từ cần thiết nhất. Bé có thể nói câu ngắn: bố bế; mẹ bế hoặc bế tí... Khi lên 5-6 tuổi, trẻ học được nhiều ngôn ngữ hơn. Ví dụ, chúng bắt đầu dùng thêm bổ ngữ, định ngữ... các thành phần phụ của câu. Trẻ bắt đầu nói những việc như: mất rồi; ăn rồi; chạy rồi. Đôi khi trẻ cũng mắc những lỗi sai về trật tự từ, ví dụ: "Hôm qua, quả na ăn rồi". Chúng cũng bắt đầu tổng quát hóa một cách thái quá quy tắc ngữ pháp và phạm nhiều lỗi về ngữ pháp và về tư duy. Ví dụ, khi cho trẻ quà, chúng ta thường nhắc trẻ: *con ạ mẹ đi rồi mẹ cho*, đến khi bé đưa chúng ta vật gì, bé cũng yêu cầu: *Mẹ ạ đi!* hoặc *Bà ạ đi!*. Để chỉ tiếng kêu của các vật, người Việt dùng *chó sủa, mèo kêu, gà gáy, ngựa hí, sư tử gầm, chim hót...* thì các bé có thể dùng lẫn lộn động từ chỉ tiếng kêu của con vật này sang cho con vật khác. Ví dụ: một trẻ nói với mẹ: *Con chim "sủa" rồi mẹ ơi...* Trẻ

em học ngôn ngữ "mẹ đẻ" rất nhanh và tiến trình này là giống nhau đối với tất cả các trẻ trên khắp thế giới.

Trẻ điếc, về thể chất không khác gì trẻ thường, thậm chí, nếu xác định đúng khả năng ngôn ngữ và giúp đỡ kịp thời, thì trình độ phát triển ngôn ngữ của trẻ điếc có giai đoạn còn thuận lợi hơn so với trẻ thường. Thực tế sử dụng và kết quả nghiên cứu của nhiều nhà khoa học đã chứng tỏ NNKH là ngôn ngữ mẹ đẻ của cộng đồng người điếc. Vì vậy, nếu như trẻ điếc được phát hiện và được giao tiếp với bố mẹ bằng NNKH ngay từ lọt lòng, tiến trình phát triển ngôn ngữ của trẻ sẽ giống như các trẻ em khác cùng lứa tuổi.

### 2.3. Thực trạng dạy học NNKH cho trẻ điếc trên địa bàn Hà Nội

2.3.1. *Hoạt động dạy học nhìn từ lí thuyết giao tiếp.* Coi hoạt động dạy học cho trẻ cũng là một hoạt động giao tiếp, chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu xem hiệu quả hoạt động này phụ thuộc vào những nhân tố nào (xem hình 2).

#### Sơ đồ hoạt động dạy học



Thông điệp: Nội dung bài học (là một chuỗi tín hiệu đã được mã hóa)  
Hình 2. Sơ đồ hoạt động dạy học

Bảng 2. So sánh hoạt động dạy học cho người bình thường và cho người điếc:

Hoạt động dạy học cho trẻ thường	Hoạt động dạy học cho trẻ điếc
GV và HS có chung 1 mã ngôn ngữ là tín hiệu ngôn ngữ âm thanh. Nội dung bài học được truyền đạt thông suốt. → Hoạt động dạy học đạt hiệu quả	GV và HS không có chung 1 mã ngôn ngữ. Gây nên hiện tượng trộn mã, khiến cho việc tiếp thu nội dung bài học khó khăn. → Hiệu quả của hoạt động dạy học bị hạn chế.

#### 2.3.2. Kết quả điều tra hoạt động dạy học NNKH cho trẻ điếc tại Hà Nội.

Từ vựng: Bảng từ chúng tôi đưa ra gồm 200 từ, đây là những từ khá cơ bản trong ngôn ngữ nói Việt Nam. Danh sách bảng từ chúng tôi đưa ra có cả những danh từ chỉ sự vật, những động từ chỉ hành động và tính từ chỉ tính chất hay những đại từ thông dụng chỉ người thân trong gia đình, trường lớp, phương tiện giao thông,... Đối tượng mà chúng tôi tìm hiểu là: Trường dân lập dạy trẻ câm điếc Hà Nội (sau đây xin gọi tắt là Trường Nhân chính); Trường Tiểu học Xã Đàn (sau đây gọi tắt là Trường Xã Đàn) và Trung tâm khuyết tật Thụy An (xem bảng 3).

Như vậy, trẻ Điếc Trường Nhân Chính đạt 40% tổng số các từ được hỏi; trẻ Điếc Trường Xã Đàn là 30% tổng số từ được khảo sát; trẻ Điếc Trung tâm khuyết tật

Bảng 3

Nhóm từ	Trẻ lớp 1 (Trường Nhân Chính)	Trẻ lớp 1 (Trường Xã Đàn)	Trẻ lớp 1, Trung tâm khuyết tật Thụy An	Chú thích
Người thân: 14	9	8	5	Chỉ phân biệt vai cơ bản: bố, mẹ, anh, chị, ...
Bộ phận cơ thể: 21	10	5	5	Môi = Miệng; tay - bàn tay, chân - bàn chân
Hoạt động, phương tiện: 18	10	5	4	Đi máy bay/ô tô/xe máy = máy bay/ ô tô/ xe máy
Vệ sinh cá nhân: 18	11	7	4	
Trường lớp: 35	19	10	8	
Trao đổi và hiện tượng thiên nhiên: 21	9	4	3	Trẻ không phân biệt được "chợ" và "siêu thị", "bán". Không có khái niệm "trời"
Màu sắc: 5	2	3	2	
Vật dụng gia đình: 27	6	6	3	
Khác 16	5	6	4	Trẻ ở Thụy An không phân biệt: "tai vi" và "cái tai"; "vi sao" và "ngôi sao"
Thực phẩm: 25	7	6	5	Nhóm từ chỉ vị giác (mặn, đắng, muối...), nói >< nói áp suất không phân biệt, không có kí hiệu
Tổng 200	88	60	43	

Thụy An là 22%. Đây là những con số chứng tỏ vốn từ của các trẻ còn thấp (dưới 50%) so với một đứa trẻ vào lớp 1. Đặc biệt là các trẻ ở Trung tâm khuyết tật Thụy An, trình độ ngôn ngữ của các em còn rất yếu. Các em còn mắc những lỗi rất sơ đẳng. Nhằm giữa từ để hỏi: "tại vì" với "cái tại", hoặc từ để hỏi "vi sao" với "ông sao". Trong các nhóm từ được hỏi, nhóm từ chỉ người thân, bộ phận cơ thể và phương tiện có nhỉnh hơn ở các nhóm khác. Đây là những từ cơ bản, gần gũi nhất với các bé và dễ mô phỏng. Những nhóm từ còn lại là những nhóm từ ít trực quan hơn, trẻ ít có cơ hội tiếp xúc và được người lớn giải thích. Đặc biệt là nhóm từ chỉ màu sắc, các bé khá lạ lẫm và không thể đưa ra kí hiệu dù đây là những màu sắc quen thuộc.

Qua thực tế điều tra vốn NKKH giữa các trường học, trung tâm, chúng tôi nhận thấy có sự chênh lệch về vốn kí hiệu cũng như trình độ NKKH giữa 3 cơ sở giáo dục trẻ điếc. Trong 3 cơ sở, HS ở lớp 1 Trường Nhân Chính có trình độ NKKH cao hơn 2 cơ sở còn lại, cụ thể là: (Trường Nhân Chính: 88/ 200; Trường Xã Đàn: 60/200; Trung tâm khuyết tật Thụy An: 43/200). Điều đó có lí do từ nhân tố người dạy. Ở lớp 1K của Trường điếc Nhân Chính, GV dạy NKKH cho các em là người điếc. Phần lớn họ được đào tạo từ Dự án Dạy cho người điếc đến bậc đại học, tại Trường Đại học Đồng Nai. Vì cô giáo cũng là người điếc nên theo mô hình dạy học (Hình 1), HS được học NKKH giống như trẻ bình thường học tiếng Việt. Nội dung bài học được mã hóa thành tín hiệu NKKH 100%, theo đúng tư duy ngôn ngữ của người điếc. Tránh được tình trạng bị trộn mã ngôn ngữ trong nội dung bài học, điều này giúp cho HS nâng cao trình độ NKKH, cả về chất lượng và số

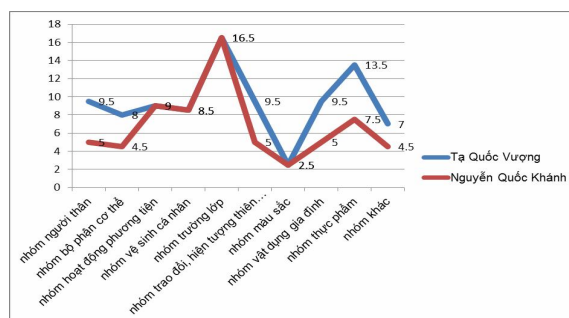
lượng. Vì vậy, hiệu quả của hoạt động dạy học được nâng cao rõ rệt.

Đứa trẻ biết NKKH không thể giao tiếp với những người không biết NKKH. Để có thể giao tiếp với trẻ, các thành viên gia đình, bạn bè và những người khác trong cộng đồng cũng phải biết NKKH. Trong số các bé, có một trường hợp đặc biệt, bé Tạ Quốc Vượng được chẩn đoán điếc bẩm sinh với chỉ số tai trái là 85dB, tai phải là 95dB. Cha, mẹ Vượng là người nghe - nói và biết NKKH, Vượng đã được tiếp xúc và sử dụng NKKH đồng thời được học kĩ năng nói, đọc khẩu hình miệng, cách phát âm,... Đây là một lợi thế từ khi còn nhỏ mà không phải trẻ điếc nào cũng có được. Vì vậy,

kết quả khảo sát cho thấy kĩ năng NKKH của Vượng rất tốt. Để làm rõ luận điểm này, chúng tôi đã khảo sát 2 trẻ cùng là trẻ điếc sâu nhưng có mức độ phát triển khác nhau.

- Bé Tạ Quốc Vượng, 7 tuổi, học lớp 1 Trường Nhân Chính, tình trạng: Điếc sâu bẩm sinh. Có cha mẹ là người nghe - nói, sử dụng NKKH.

- Bé Nguyễn Quốc Khánh, 11 tuổi, học lớp 2 Trường Nhân Chính, tình trạng: điếc sâu bẩm sinh. Cha mẹ là người nghe - nói, không sử dụng NKKH.



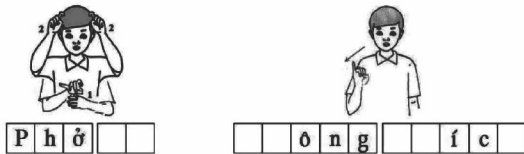
Từ thực tế khảo sát các lớp học NKKH tại ba trung tâm, đến điều tra sâu 2 trẻ điếc, chúng tôi khẳng định cần phải dạy NKKH cho trẻ điếc theo đúng lối tư duy văn hóa ngôn ngữ của người điếc. Muốn vậy, một mặt chúng ta phải từng bước nâng cao trình độ NKKH cho các giáo sinh tại các Khoa Giáo dục đặc biệt của trường Sư phạm, một mặt, tuyển thêm các GV là người điếc phụ trách một thời lượng nhất định trong chương trình dạy NKKH cho các em.

**2.4. Đề xuất thiết kế trò chơi NKKH cho trẻ điếc.** Trong quá trình điều tra thực tế, tổ điều tra đã tiến hành thiết kế một số trò chơi ngôn ngữ, hỗ trợ cho

hoạt động dạy học NNKH cho các bé. Bước đầu, chúng tôi đã thử nghiệm 2 dạng trò chơi:

2.4.1. Nhìn thẻ tranh, đoán kí hiệu, điền chữ cái còn thiếu vào ô trống:

- Dụng cụ chuẩn bị: thẻ tranh, bút màu, bút chì
- Mục đích: rèn trí nhớ nhanh, nhớ nghĩa của từ, nhớ mặt chữ tiếng Việt của từ kí hiệu



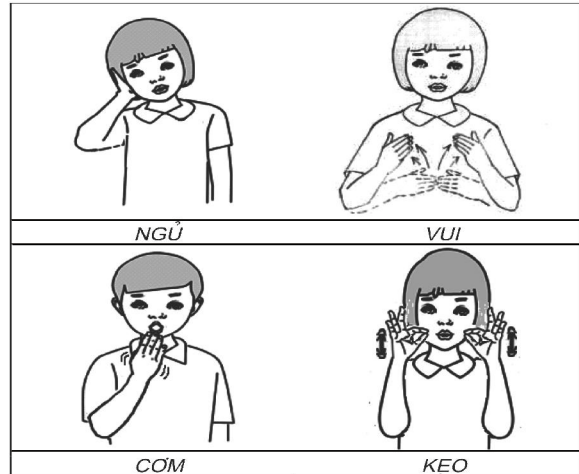
(Đáp án)

2.4.2. Nhìn thẻ tranh - đoán kí hiệu - viết tên kí hiệu:

- Dụng cụ chuẩn bị: thẻ tranh, bút màu, bút chì
- Mục đích: rèn trí nhớ nhanh, nhớ nghĩa của từ, nhớ mặt chữ tiếng Việt của kí hiệu.



Bước đầu, áp dụng các trò chơi vào các tiết học, chúng tôi đã thu được những tín hiệu khả quan. Trước hết tín hiệu khả quan được thể hiện trong tâm thế học tập môn Tiếng Việt. Các bé tỏ ra rất hào hứng tương tác và xung phong phát biểu ý kiến. Đặc biệt, với các em mới vào lớp 1, việc tiếp thu chương trình Tiếng Việt trong sách giáo khoa lớp 1, đòi hỏi các em phải biết viết tên tiếng Việt của kí hiệu một cách thành thạo. Đây là yêu cầu cơ bản. Tuy nhiên, nó lại là điểm yếu



của các em. Các trò chơi được thiết kế đã hỗ trợ đắc lực cho hoạt động này. Các trò chơi này đã được chúng tôi thử nghiệm ở các lớp 1 tại Trường Nhân Chính; Trường Xã Đoàn; Trung tâm khuyết tật Thụy An. Khi được tiếp xúc với các thẻ tranh với các hình ảnh màu sắc sinh động, ngộ nghĩnh, các con tỏ ra rất thích thú. Không khí lớp học sôi nổi. Việc học các chữ cái tiếng Việt không còn căng thẳng gò bó.

### 3. Kết luận

Trẻ em là đối tượng được cả cộng đồng xã hội quan tâm. Trẻ điếc, với những đặc trưng riêng khác về tâm sinh lí, làm ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của các em, đòi hỏi ở chúng ta sự quan tâm đặc biệt hơn. Bài báo này với mục đích đem lại hiệu quả cho việc trẻ điếc học tập NNKH, làm cơ sở vững chắc cho việc học môn Tiếng Việt, hi vọng góp phần đưa các trẻ điếc tới gần hơn ước mơ về một tương lai tươi sáng. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Thị Hiền (2012). *Ngôn ngữ kí hiệu ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp* (Đề tài khoa học cấp Bộ). Viện Ngôn ngữ học.
- [2] Đỗ Thị Hiền (2013). *Lựa chọn ngôn ngữ cho hoạt động dạy học trong các trung tâm khiếm thính ở Việt Nam*. Kỷ yếu hội thảo Khoa học quốc tế Ngôn ngữ học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.
- [3] Mai Văn Hưng (2013). *Sinh lí học thần kinh cấp cao và giác quan*. NXB Đại học Sư phạm.
- [4] Nguyễn Văn Khang (2012). *Ngôn ngữ học xã hội*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Nguyễn Thị Mĩ Lộc - Đinh Thị Kim Thoa - Trần Văn Tính (2009). *Tâm lí học giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6] Nguyễn Quang Uẩn (2000). *Những đặc điểm tâm lí của trẻ khiếm thính (tập bài giảng môn học)*. Trung tâm Đào tạo và phát triển Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [7] World Health Organization (1997). *Let's communicate*.